| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>PHƯỜNG QUYẾT THẮNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 960 /QĐ-UBND | *Quyết Thắng, ngày 12 tháng 12 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước phường Quyết Thắng năm 2026 trình HĐND phường Quyết Thắng khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026;*

*Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 600/TTr-KTHT&ĐT ngày 12/12/2025 về việc đề nghị công bố công khai phân*

*bổ dự toán ngân sách nhà nước phường Quyết Thắng năm 2026 trình HĐND phường Quyết Thắng khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai phân bổ dự toán ngân sách nhà nước phường Quyết Thắng năm 2026 trình HĐND phường Quyết Thắng khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.

*(Chi tiết tại các Phụ biểu kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Thủ trưởng các đơn vị, Kho bạc Nhà nước Khu vực VII và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Lãnh đạo UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

U.B.N.D PHƯỜNG QUYẾT THẮNG T.THÁI NGUYÊN

**Nguyễn Đức Nhất**

**Biểu số 103/CKTC-NSNN**

# CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND phường Quyết Thắng)*

*( Dự toán trình hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán phường giao |
|---|---|---|
| **1** | **2** | **2** |
| **A** | **TỔNG NGUỒN THU NSĐP** | **404.675.000** |
| **I** | **Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp** | **301.088.000** |
| **II** | **Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên** | **103.587.000** |
| 1 | Thu bổ sung cân đối ngân sách | 33.372.000 |
| 3 | Thu bổ sung có mục tiêu | 70.215.000 |
| **III** | **Thu từ quỹ dự trữ tài chính** | |
| **IV** | **Thu kết dư** | |
| **VI** | **Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên** | |
| **B** | **TỔNG CHI NSĐP** | **404.675.000** |
| **I** | **Tổng chi cân đối NSĐP** | **404.675.000** |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 241.954.000 |
| 2 | Chi thường xuyên | 154.509.000 |
| 3 | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | |
| 4 | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | |
| 5 | Dự phòng ngân sách | 8.212.000 |
| 6 | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | |
| 7 | Chi nộp ngân sách cấp trên | |
| 8 | Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương | |
| **II** | **Chi các chương trình mục tiêu quốc gia** | |
| **III** | **Chi chuyển nguồn sang năm sau** | |
| **IV** | **Chi từ nguồn kết dư** | |

**Biểu số 104/CKTC-NSNN**

# DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND phường Quyết Thắng)*

*( Dự toán trình hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Dự toán tỉnh giao | Dự toán phường giao | So sánh Phường/Tỉnh (%) |
|---|---|---|---|---|
| **A** | **Tổng thu NSNN trên địa bàn (I+II)** | **733.942.000** | **733.942.000** | **100** |
| **I** | **Thu thuế, phí, khác (1+….+10)** | **176.942.000** | **176.942.000** | **100** |
| 1 | Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý | 680.000 | 680.000 | 100 |
| 2 | Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý | 1.537.000 | 1.537.000 | 100 |
| 3 | Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 7.000 | 7.000 | 100 |
| 4 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 57.032.000 | 57.032.000 | 100 |
| 5 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 1.350.000 | 1.350.000 | 100 |
| 6 | Lệ phí trước bạ | 29.975.000 | 29.975.000 | 100 |
| 7 | Thuế thu nhập cá nhân | 35.767.000 | 35.767.000 | 100 |
| 8 | Phí &lệ phí | 399.000 | 399.000 | 100 |
| 9 | Thu khác ngân sách | 30.000.000 | 30.000.000 | 100 |
| 10 | Thu tiền thuê đất | 20.195.000 | 20.195.000 | 100 |
| **II** | **Thu tiền sử dụng đất** | **557.000.000** | **557.000.000** | **100** |
| **B** | **Thu NS phường được hưởng (I+II+III)** | **404.675.000** | **404.675.000** | **100** |
| **I** | **Thu theo tỷ lệ điều tiết** | **301.088.000** | **301.088.000** | **100** |
| **II** | **Thu bổ sung cân đối từ NS cấp trên** | **33.372.000** | **33.372.000** | **100** |
| **III** | **Thu bổ sung có mục tiêu** | **70.215.000** | **70.215.000** | **100** |
| 1 | Bổ sung có mục tiêu nguồn ngân sách Trung ương | 23.272.000 | 23.272.000 | 100 |
| 2 | Bổ sung có mục tiêu nguồn ngân sách tỉnh cấp | 46.943.000 | 46.943.000 | 100 |

**Biểu số 105/CKTC-NSNN**

# TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND phường Quyết Thắng)*

*( Dự toán trình hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| TT | Nội dung | Dự toán tỉnh giao | Dự toán phường giao | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | **Tổng chi cân đối ngân sách (I+II+III)** | **404.675.000** | **404.675.000** | |
| **I** | **Chi đầu tư phát triển** | **241.954.000** | **241.954.000** | |
| 1 | Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung | | 2.000.000 | |
| 2 | Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | | 239.954.000 | |
| | Trong đó: | | | |
| - | *Chi đầu tư cho các công trình, dự án, nhiệm vụ cấp xã* | | *227.956.000* | |
| - | *Tiết kiệm 5% chi đầu tư theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội* | | *11.998.000* | |
| **II** | **Chi thường xuyên** | **154.509.000** | **154.509.000** | |
| 1 | Chi phí quản lý hành chính | | 29.087.000 | |
| 2 | Chi Sự nghiệp giáo dục và đào tạo | | 73.171.000 | |
| 3 | Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin | | 360.000 | |
| 4 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | | 270.000 | |
| 5 | Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình | | 225.000 | |
| 6 | Chi đảm bảo xã hội | | 35.349.000 | |
| 7 | Chi sự nghiệp an ninh, quốc phòng | | 4.246.000 | |
| 8 | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ | | 641.000 | |
| 9 | Chi sự nghiệp kinh tế | | 9.117.000 | |
| 10 | Chi sự nghiệp môi trường | | 2.043.000 | |
| **III** | **Dự phòng ngân sách** | **8.212.000** | **8.212.000** | |